

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

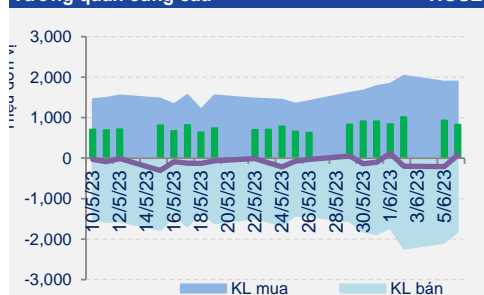
6/6/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

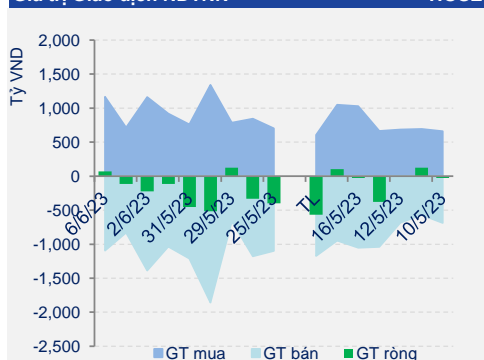
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,108.31 | 228.72 |
| % Thay đổi | ↑ 0.96% | ↑ 0.95% |
| KLGD (CP) | 827,744,085 | 149,806,277 |
| GTGD (tỷ đồng) | 15,630.42 | 2,197.44 |
| Tổng cung (CP) | 1,825,957,139 | 184,912,800 |
| Tổng cầu (CP) | 1,897,531,125 | 197,232,600 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 36,877,300 | 870,886 |
| KL mua (CP) | 45,687,460 | 1,101,917 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,165.71 | 28.17 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,095.87 | 18.93 |
| GT ròng (tỷ đồng) | 69.84 | 9.23 |

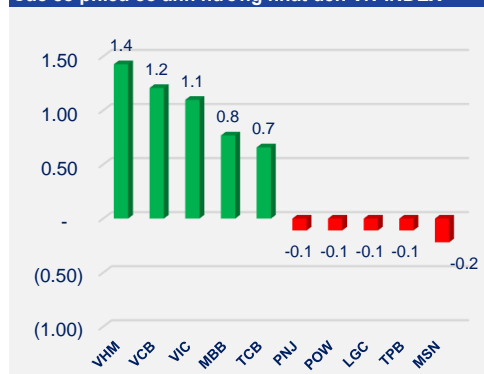
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Dưới ảnh hưởng tích cực của VN30, VN-INDEX duy trì xu hướng tăng điểm để hướng đến vùng giá cao nhất tháng 01,02/2023 tương ứng 1.115 điểm - 1.125 điểm. Chỉ số VN-INDEX kết phiên tăng 10,49 điểm (+0,96%) lên mức 1.108,31 điểm. HNX-INDEX duy trì tích cực tăng 2,16 điểm (+0,95%) lên mức 228,72 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết tích cực hơn phiên trước với tổng cộng có 379 mã tăng điểm (25 mã tăng trần), 188 mã giảm giá (08 mã giảm sàn) và 104 mã giữ giá tham chiếu, thể hiện nhiều mã vẫn tăng giá tích cực, vào xu hướng tăng mới.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 17.823,11 tỷ đồng, giảm 7,37% so với phiên trước; trong đó khối lượng giao dịch của VN-INDEX giảm 12,45% khi nhiều mã đang giao dịch chậm lại, thanh khoản suy giảm. Tuy nhiên thanh khoản chung của thị trường vượt mức trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài trở lại mua ròng với giá trị 69,84 tỷ đồng trên HOSE, mua ròng trên HNX với giá trị 9,23 tỷ đồng.

Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài sau nhiều phiên liên tiếp bán ròng mạnh, đã giải ngân mua ròng trở lại, tập trung mạnh ở nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đã hỗ trợ xúc tác cho nhóm này tiếp tục có diễn biến tích cực với thanh khoản gia tăng mạnh với VND (+6,93%), SHS (+5,83%), VIX (+4,81%), SSI (+4,31%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi VCB vượt vùng giá đỉnh lịch sử, nhiều mã tiếp tục có diễn biến tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng tốt vượt mức trung bình như MBB (+2,5%), OCB (+3,04%), TCB (+2,51%), VIB (+1,72%)...

Các cổ phiếu nhóm bất động sản sau áp lực điều chỉnh phân hóa phiên trước đã phục hồi tốt trở lại, thanh khoản đột biến rất mạnh ở QCG (6,90%), ngoài ra đa số ở mức trung bình như NHA (+5,80%), TDC (+4,06%), VHM (+2,42%), HDG (+2,09%), NLG (+1,88%)...

Các nhóm cổ phiếu chịu áp lực điều chỉnh trong phiên trước như khu công nghiệp, cao su, đầu tư công, xây dựng cũng phục hồi tốt sau áp lực điều chỉnh phiên trước với ITA (+4,13%), DTD (+3,72%), SIP (+2,60%), GVR (+2,18%)... FCN (+2,70%), CTD (+2,62%), C4G (+1,49%), VCG (+1,40%)...

Trong khi các mã nhóm hóa chất, phân bón, logistic.. tăng mạnh phiên trước chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản trung bình; thể hiện tính chất xoay vòng dòng tiền khá tốt trong thị trường như CSV (-0,77%), LAS (-1,79%), DPM (-0,91%), BFC (-0,53%)... VOS (-0,39%), HAH (-0,23%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 tăng 8,9 điểm (0,82%), mức chênh lệch giá tăng lên -6,22 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước, khối lượng mở OI tăng khá mạnh. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2306 vẫn tích lũy tích cực chưa tương đồng tăng trưởng như VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2307, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch từ -10,02 điểm đến -25,72 điểm cho thấy các trader vẫn đang lạc quan về xu hướng ngắn hạn của VN30, gia tăng vị thế mua cơ sở ở VN30 và gia tăng phòng ngừa rủi ro giảm điểm của VN30 ở khung thời gian lớn hơn trên thị trường phái sinh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường sau phiên bùng nổ mạnh thoát nền tích lũy nhỏ tiếp tục duy trì đà tăng mạnh chưa có dấu hiệu điều chỉnh, hôm nay VnIndex đóng cửa tăng khá mạnh dù trong phiên trạng thái giao dịch khá dè dặt khi nhà đầu tư lo ngại điều chỉnh nhưng lực cầu mạnh dần tiếp tục thúc đẩy thị trường tích cực tới cuối phiên. Chúng tôi đã dự báo về xu hướng tăng mạnh và đáng tin cậy trong các bản tin thời gian qua và hiện tại VnIndex đang đi đúng xu hướng tăng ngắn hạn hướng tới khu vực 1.120 điểm - 1.150 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường vẫn vận động tích cực trong phiên hôm nay khi VN-Index đóng cửa tại 1.108,31 điểm (+10,49 điểm, +0,96%) và đang dần hướng tới khu vực mục tiêu ngắn hạn (1.120 điểm - 1.150 điểm) mà chúng tôi đã dự báo trong thời gian qua.

Xu hướng tích cực trong ngắn hạn của VN-Index đã được xác nhận dựa trên các nền tảng tích lũy tin cậy, bùng nổ thời gian qua và đã được chúng tôi dự báo sớm trong các bản tin của SHS. Sau khi liên tục tăng nhanh trong vài phiên vừa qua, thị trường có thể sẽ có nhịp điều chỉnh nhưng sẽ không ảnh hưởng đến xu hướng chung và mục tiêu của VN-Index vẫn được duy trì là vùng 1.150 điểm.

Dưới góc nhìn Trung- Dài hạn thị trường vẫn tích lũy trong một khu vực rộng từ 1.000 điểm - 1.150 điểm và sẽ có cơ hội hình thành uptrend nếu VN-Index tiếp tục tích lũy và sau đó bùng nổ vượt 1.150 điểm. Tuy nhiên vẫn còn khá sớm để dự báo về uptrend và cũng cần thêm sự hỗ trợ từ các yếu tố vĩ mô tích cực. Với các yếu tố vĩ mô và thị trường hiện tại chúng tôi nhận định thị trường đã chuyển đổi sang giai đoạn hậu tích lũy và đang khởi động quá trình tạo dựng uptrend.

Thị trường vẫn tích cực nhưng do đà tăng nhanh nên rất có thể sẽ có nhịp điều chỉnh, nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng trong các phiên tới và chỉ nên giải ngân nếu thị trường điều chỉnh. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ, trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay. Chiến lược giải ngân trung - dài hạn nên là gia tăng giải ngân trong các giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

6/6/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | | | | | P/E | T.trưởng Doanh thu TTM | T.trưởng Lợi nhuận TTM | |
| KBC | 28.00 | 25.5-27.5 | 31-32 | 25 | 10.7 | 221.4% | 95.7% | Theo dõi chờ giải ngân |
| PVD | 24.20 | 22.5-23.8 | 26.5-27.5 | 22 | 514.9 | 7.1% | 217.2% | Theo dõi chờ giải ngân |
| GVR | 18.75 | 16-17 | 20.5-21 | 15 | 22.6 | -15.5% | -47.9% | Theo dõi chờ giải ngân |
| HAH | 42.75 | 38-39 | 48-49 | 37 | 4.2 | 0.4% | -40.5% | Theo dõi chờ giải ngân |
| HCM | 27.70 | 25-26.6 | 30-31 | 23 | 18.3 | -41.0% | -56.2% | Theo dõi chờ giải ngân |
| LCG | 13.55 | 12.5-13.2 | 15-15.5 | 12 | 16.9 | 33.6% | -79.2% | Theo dõi chờ giải ngân |
| LPB | 15.35 | 14-14.6 | 16.3-16.8 | 13 | 5.8 | 0.0% | -12.5% | Theo dõi chờ giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | Mã | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 9/3/23 | CSV | 32.25 | 26.4 | 34-36 | 30.5 | 22.16% | Nắm giữ |
| 30/3/23 | BVS | 24.50 | 18 | 24-26 | 23 | 36.11% | Nắm giữ |
| 31/3/23 | PTB | 49.00 | 40 | 52-54 | 45 | 22.50% | Nắm giữ |
| 28/4/23 | PVS | 31.00 | 25.1 | 33-34 | 29 | 23.51% | Nắm giữ |
| 5/5/23 | ITC | 12.95 | 9.08 | 13.5-14.2 | 12 | 42.62% | Nắm giữ |
| 8/5/23 | PVT | 21.65 | 20.45 | 26-27 | 20.5 | 5.87% | Nắm giữ |
| 9/5/23 | VOS | 12.65 | 11 | 14.5-15.5 | 11.8 | 15.00% | Nắm giữ |
| 11/5/23 | PVP | 13.65 | 12.75 | 18-18.5 | 12.5 | 7.06% | Nắm giữ |
| 19/5/23 | DPR | 60.00 | 54.8 | 65-67 | 57 | 9.49% | Nắm giữ |



TIN DOANH NGHIỆP

Thu ngân sách ngành hải quan sụt 18% trong 5 tháng đầu năm

Tại Hội nghị giao ban tháng 5 của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan cho biết thu ngân sách lũy kế từ đầu năm đến cuối tháng 5 đạt 152.942 tỷ đồng, bằng 36% dự toán và giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do kim ngạch nhập khẩu có thuế của một số mặt hàng có số thu lớn giảm như ô tô, sắt thép, điện thoại và linh kiện.

Báo động nợ xấu tăng ở một số ngân hàng

Cập nhật báo cáo tài chính quý 1/2023 của 27 ngân hàng niêm yết cho thấy, nợ cần chú ý (nhóm 2) đã tăng 43% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ dư nợ vay nhóm 2-5/tổng dư nợ tăng mạnh từ 3,4% trong quý 4/2022 lên 4,4% trong quý 1/2023. Có 8 ngân hàng tăng trưởng nợ xấu nhiều nhất trong quý 1/2023; trong số đó chỉ có 2 đơn vị duy trì được tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3% (lần lượt là 1,76% và 2,02%).

Australia tăng lãi suất lên mức cao nhất trong vòng 11 năm qua

Các dữ liệu gần đây cho thấy lạm phát tại Australia có xu hướng gia tăng, buộc Ngân hàng Dự trữ Australia phải tăng lãi suất cơ bản thêm 0,25 điểm phần trăm lên mức 4,1%. Đây là mức lãi suất cao nhất mà ngân hàng này áp dụng kể từ tháng 5/2012.

TIN VĨ MÔ

Hơn 15.3 triệu cp EMC sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc

Ngày 05/06, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) đã có văn bản tới CTCP Cơ điện Thủ Đức (HOSE: EMC) về việc thực hiện thủ tục hủy niêm yết bắt buộc đối với cổ phiếu EMC. Nguyên nhân do theo quy định, công ty đại chúng phải có tối thiểu 10% cổ phần có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ. Tuy nhiên, tại ngày chốt danh sách cổ đông 09/03/2023, các cổ đông lớn của EMC nắm giữ đến 94.54% vốn điều lệ, khiến EMC không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng.

MB chốt quyền trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 5%

HĐQT Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB, HOSE: MBB) vừa công bố quyết định về việc thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt. Cụ thể, MB sẽ chi trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ 5% (1 cp nhận được 500 đồng). Với hơn 4.53 tỷ cp đang lưu hành, ước tính MB sẽ phải chi 2,267 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Ngày đăng ký cuối cùng là 15/06/2023.

Ngân hàng Xây dựng sắp chuyển giao bắt buộc về Vietcombank

Theo ông Đàm Minh Đức, Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng Xây Dựng (CB), cho biết được chuyển giao về một trong những tổ chức tín dụng hàng đầu Việt Nam sẽ mở ra hành trình mới với CB, sau hơn 8 năm kiên định trên hành trình tái cơ cấu.

LPB được chấp thuận tăng vốn thêm tối đa hơn 11,000 tỷ đồng trong năm 2023

Theo đó, NHNN chấp thuận LPBank tăng vốn điều lệ thêm tối đa 11,385.3 tỷ đồng trong năm 2023 dưới hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 tối đa là 3,285.3 tỷ đồng, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa là 5,000 tỷ đồng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 3,000 tỷ đồng và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng (ESOP) là 100 tỷ đồng.

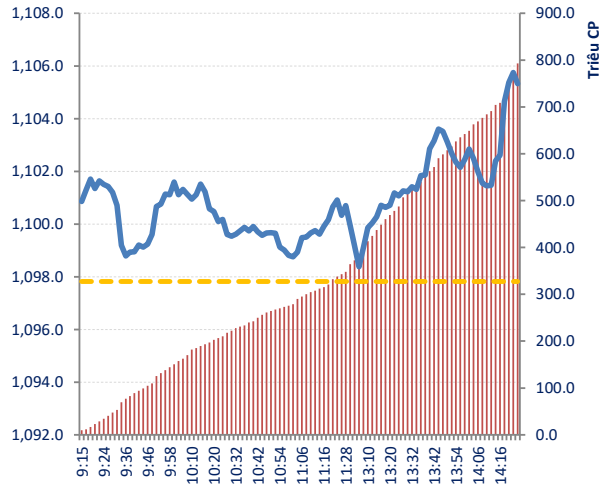
TPBank chốt quyền phát hành gần 620 triệu cp, tăng vốn lên 22,016 tỷ đồng

Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, HOSE: TPB) vừa thông báo chốt quyền phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể, TPBank dự kiến phát hành gần 620 triệu cp, tỷ lệ thực hiện quyền là 39.19%. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá gần 6,199 tỷ đồng. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của TPBank sẽ tăng từ gần 15,818 tỷ đồng lên hơn 22,016 tỷ đồng.

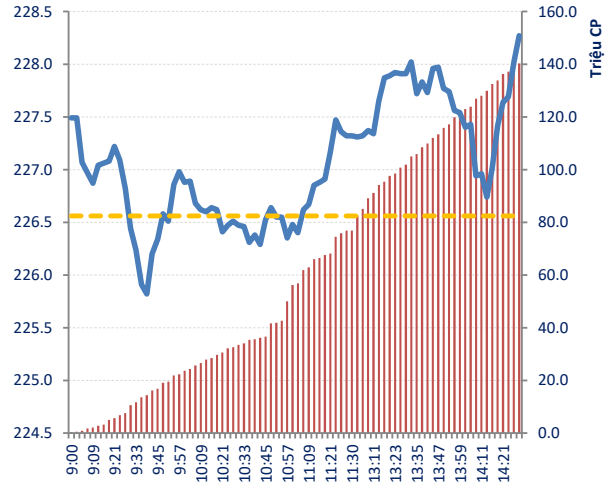


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

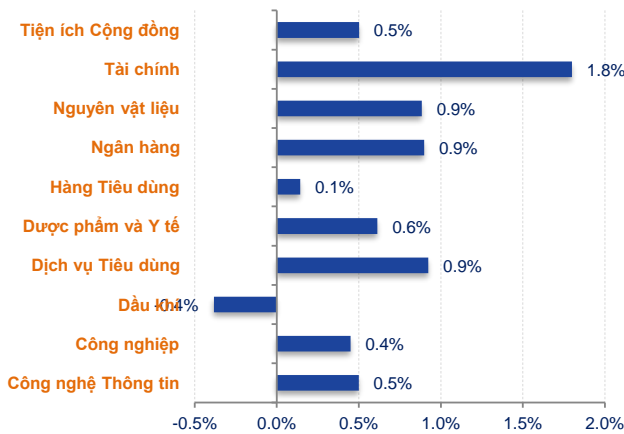
KLGD và VN-Index trong phiên



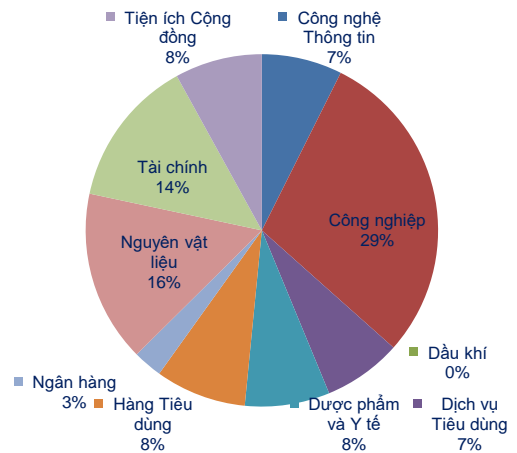
KLGD và HNX-Index trong phiên



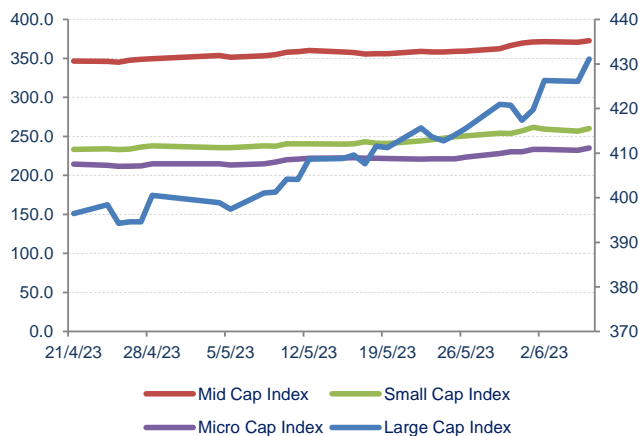
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



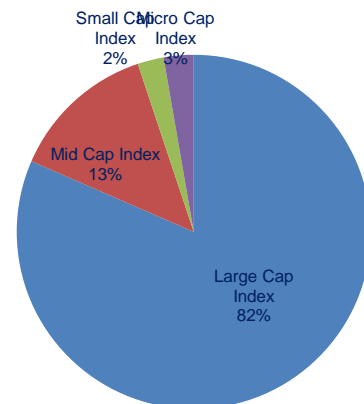
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|-------|-------------|
| 1 | SSI | 5,788,100 | VPB | 2,839,400 |
| 2 | VND | 4,365,600 | ST8 | 2,500,300 |
| 3 | FUESSVFL | 2,469,600 | CTG | 2,415,500 |
| 4 | HDB | 2,072,300 | VNM | 2,189,900 |
| 5 | KBC | 1,045,100 | DXG | 1,303,300 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | MBS | 404,000 | SD5 | 216,200 |
| 2 | DTD | 320,300 | CEO | 100,600 |
| 3 | PVS | 79,900 | IDC | 72,300 |
| 4 | PLC | 60,000 | PVG | 49,000 |
| 5 | HOM | 10,000 | TNG | 48,200 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| VND | 18.05 | 19.30 | ↑ 6.93% | 52,221,900 |
| SHB | 12.35 | 12.50 | ↑ 1.21% | 41,621,000 |
| SSI | 24.10 | 25.15 | ↑ 4.36% | 34,503,800 |
| MBB | 19.80 | 20.45 | ↑ 3.28% | 23,028,300 |
| DIG | 21.20 | 21.35 | ↑ 0.71% | 21,346,400 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHS | 12.00 | 12.70 | ↑ 5.83% | 57,531,356 |
| CEO | 26.60 | 26.60 | → 0.00% | 7,949,296 |
| MBS | 18.20 | 18.80 | ↑ 3.30% | 6,655,106 |
| PVS | 31.10 | 31.00 | ↓ -0.32% | 5,786,367 |
| NRC | 5.50 | 6.00 | ↑ 9.09% | 4,368,202 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| SVD | 3.88 | 4.15 | 0.27 | ↑ 6.96% |
| POM | 5.77 | 6.17 | 0.40 | ↑ 6.93% |
| VND | 18.05 | 19.30 | 1.25 | ↑ 6.93% |
| PLP | 5.35 | 5.72 | 0.37 | ↑ 6.92% |
| CRE | 8.70 | 9.30 | 0.60 | ↑ 6.90% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|----------|
| SVN | 4.00 | 4.40 | 0.40 | ↑ 10.00% |
| MST | 6.00 | 6.60 | 0.60 | ↑ 10.00% |
| KDM | 11.50 | 12.60 | 1.10 | ↑ 9.57% |
| GLT | 20.00 | 21.90 | 1.90 | ↑ 9.50% |
| HTC | 17.90 | 19.60 | 1.70 | ↑ 9.50% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| SRF | 11.00 | 10.25 | -0.75 | ↓ -6.82% |
| TMP | 59.30 | 55.30 | -4.00 | ↓ -6.75% |
| HRC | 54.90 | 51.20 | -3.70 | ↓ -6.74% |
| VDP | 41.00 | 38.50 | -2.50 | ↓ -6.10% |
| SC5 | 19.90 | 18.70 | -1.20 | ↓ -6.03% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| PEN | 10.00 | 9.00 | -1.00 | ↓ -10.00% |
| POT | 20.10 | 18.10 | -2.00 | ↓ -9.95% |
| SIC | 32.20 | 29.00 | -3.20 | ↓ -9.94% |
| VLA | 52.80 | 47.60 | -5.20 | ↓ -9.85% |
| MED | 24.70 | 22.30 | -2.40 | ↓ -9.72% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| VND | 52,221,900 | 4.1% | 487 | 37.1 | 1.5 |
| SHB | 41,621,000 | 18.7% | 2,610 | 4.7 | 0.8 |
| SSI | 34,503,800 | 6.9% | 1,035 | 23.3 | 1.6 |
| MBB | 23,028,300 | 23.1% | 3,961 | 5.0 | 1.1 |
| DIG | 21,346,400 | 2.2% | 276 | 76.9 | 1.6 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHS | 57,531,356 | 2.1% | 224 | 53.5 | 1.0 |
| CEO | 7,949,296 | 7.5% | 1,057 | 25.2 | 1.8 |
| MBS | 6,655,106 | 10.5% | 1,241 | 14.7 | 1.5 |
| PVS | 5,786,367 | 5.6% | 1,498 | 20.8 | 1.1 |
| NRC | 4,368,202 | -5.9% | (788) | - | 0.4 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| SVD | ↑ 7.0% | -3.7% | (383) | - | 0.4 |
| POM | ↑ 6.9% | -50.1% | (5,223) | - | 0.7 |
| VND | ↑ 6.9% | 4.1% | 487 | 37.1 | 1.5 |
| PLP | ↑ 6.9% | 1.4% | 238 | 22.5 | 0.3 |
| CRE | ↑ 6.9% | 0.9% | 118 | 73.6 | 0.7 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SVN | ↑ 10.0% | 0.4% | 43 | 92.5 | 0.4 |
| MST | ↑ 10.0% | 6.8% | 829 | 7.2 | 0.5 |
| KDM | ↑ 9.6% | -3.4% | (370) | - | 1.1 |
| GLT | ↑ 9.5% | 14.8% | 2,692 | 7.4 | 1.2 |
| HTC | ↑ 9.5% | 12.8% | 2,267 | 7.9 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|-----------|-------|-------|------|-----|
| SSI | 5,788,100 | 6.9% | 1,035 | 23.3 | 1.6 |
| VND | 4,365,600 | 4.1% | 487 | 37.1 | 1.5 |
| FUESSVFL | 2,469,600 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| HDB | 2,072,300 | 20.8% | 3,174 | 6.0 | 1.2 |
| KBC | 1,045,100 | 11.2% | 2,620 | 10.6 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MBS | 404,000 | 10.5% | 1,241 | 14.7 | 1.5 |
| DTD | 320,300 | 22.9% | 5,480 | 5.4 | 1.1 |
| PVS | 79,900 | 5.6% | 1,498 | 20.8 | 1.1 |
| PLC | 60,000 | 9.8% | 1,558 | 23.9 | 2.4 |
| HOM | 10,000 | 2.2% | 294 | 16.7 | 0.4 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 463,787 | 23.2% | 6,533 | 15.0 | 3.2 |
| VHM | 233,830 | 24.9% | 8,269 | 6.5 | 1.5 |
| BID | 226,116 | 19.7% | 3,972 | 11.3 | 2.1 |
| VIC | 198,706 | 5.1% | 1,800 | 28.9 | 1.5 |
| GAS | 179,911 | 24.1% | 7,689 | 12.2 | 2.8 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| PVS | 14,865 | 5.6% | 1,498 | 20.8 | 1.1 |
| THD | 14,035 | 4.0% | 672 | 59.6 | 2.3 |
| IDC | 13,629 | 34.3% | 6,675 | 6.2 | 2.2 |
| KSF | 12,240 | 4.9% | 1,094 | 37.3 | 1.8 |
| BAB | 12,085 | 9.6% | 1,141 | 12.7 | 1.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|---------|-------|-----|
| DRH | 4.35 | -0.4% | (48) | - | 0.5 |
| IBC | 3.28 | -5.6% | (1,044) | - | 0.1 |
| PDR | 2.77 | 9.7% | 1,321 | 11.1 | 1.2 |
| TTB | 2.72 | 0.3% | 27 | 109.9 | 0.3 |
| NHA | 2.58 | 0.4% | 46 | 454.3 | 2.0 |

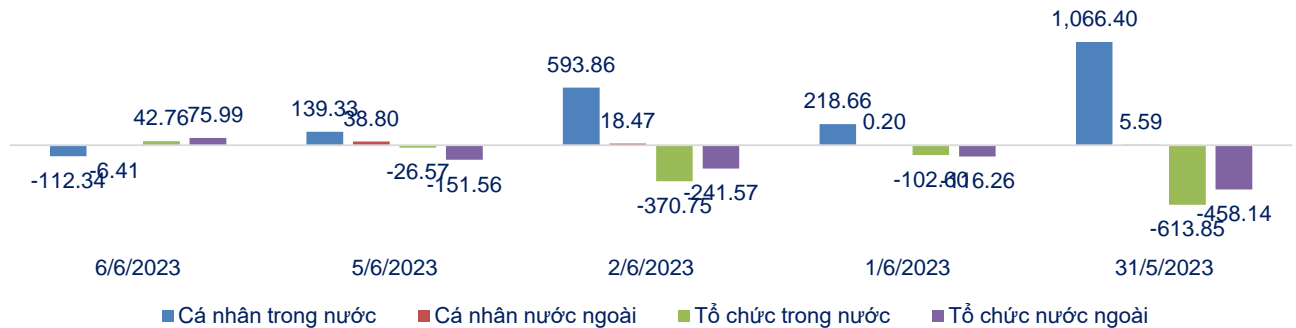
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| APS | 3.26 | -44.5% | (5,589) | - | 1.3 |
| L14 | 3.16 | -10.2% | (1,273) | - | 3.4 |
| API | 3.06 | 8.2% | 921 | 17.0 | 1.3 |
| IDJ | 2.85 | 8.0% | 901 | 16.8 | 1.3 |
| KSQ | 2.73 | -20.9% | (2,031) | - | 0.3 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VNM | 155.16 | 23.5% | 3,881 | 17.1 | 4.0 |
| DIG | 77.11 | 2.2% | 276 | 76.9 | 1.6 |
| ST8 | 60.00 | 69.7% | 7,932 | 3.1 | 1.9 |
| VGC | 56.51 | 13.6% | 2,761 | 14.6 | 2.0 |
| VPB | 50.74 | 11.8% | 1,796 | 11.0 | 1.3 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | -203.60 | 6.9% | 1,035 | 23.3 | 1.6 |
| VND | -111.87 | 4.1% | 487 | 37.1 | 1.5 |
| VHM | -55.85 | 24.9% | 8,269 | 6.5 | 1.5 |
| MBB | -54.69 | 23.1% | 3,961 | 5.0 | 1.1 |
| SHB | -40.60 | 18.7% | 2,610 | 4.7 | 0.8 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|--------|------|-----|
| DGC | 5.26 | 47.4% | 13,357 | 4.4 | 2.0 |
| DCM | 2.30 | 28.9% | 5,623 | 4.5 | 1.2 |
| FRT | 1.72 | 11.2% | 1,863 | 35.2 | 3.8 |
| CII | 1.56 | 1.1% | 362 | 49.2 | 0.5 |
| FUEVFNVD | 1.09 | N/A | N/A | N/A | N/A |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VND | -8.53 | 4.1% | 487 | 37.1 | 1.5 |
| VIC | -4.40 | 5.1% | 1,800 | 28.9 | 1.5 |
| PAC | -2.69 | 15.7% | 3,063 | 9.9 | 1.6 |
| KDH | -2.68 | 8.6% | 1,405 | 21.3 | 1.8 |
| VNM | -1.96 | 23.5% | 3,881 | 17.1 | 4.0 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| SSI | 59.81 | 6.9% | 1,035 | 23.3 | 1.6 |
| MBB | 54.69 | 23.1% | 3,961 | 5.0 | 1.1 |
| CTG | 46.60 | 15.9% | 3,548 | 8.1 | 1.2 |
| HSG | 32.44 | -9.7% | (1,761) | - | 0.9 |
| ACB | 32.41 | 25.4% | 3,742 | 5.8 | 1.4 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|-------|-----|
| DIG | -74.88 | 2.2% | 276 | 76.9 | 1.6 |
| VGC | -58.61 | 13.6% | 2,761 | 14.6 | 2.0 |
| FUESSVFL | -42.40 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| EIB | -37.99 | 14.8% | 2,030 | 10.2 | 1.4 |
| GEX | -32.27 | 0.1% | 23 | 767.5 | 0.7 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| SSI | 145.22 | 6.9% | 1,035 | 23.3 | 1.6 |
| VND | 90.70 | 4.1% | 487 | 37.1 | 1.5 |
| FUESSVFL | 42.34 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| VHM | 41.36 | 24.9% | 8,269 | 6.5 | 1.5 |
| HDB | 39.37 | 20.8% | 3,174 | 6.0 | 1.2 |

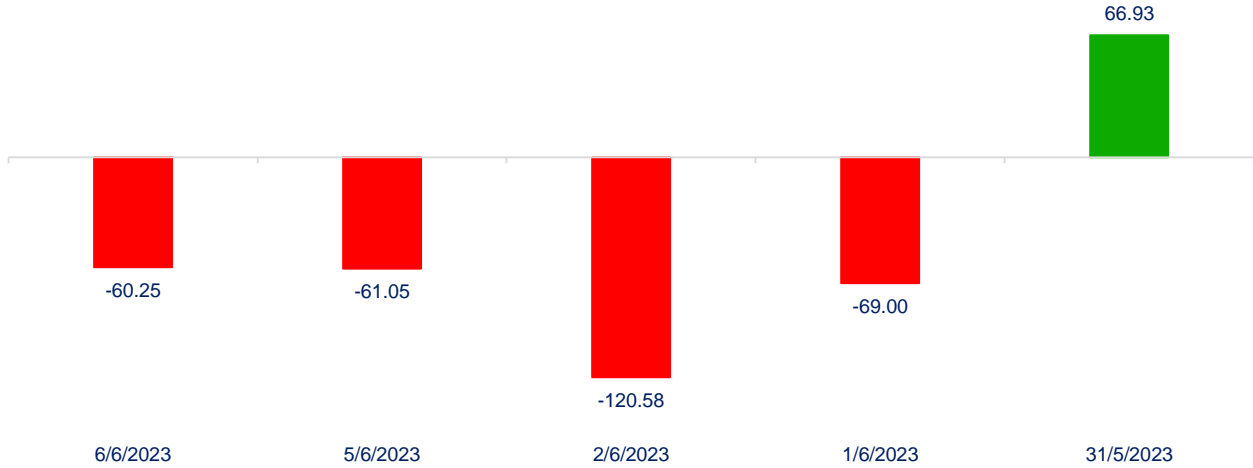
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VNM | -143.45 | 23.5% | 3,881 | 17.1 | 4.0 |
| CTG | -69.97 | 15.9% | 3,548 | 8.1 | 1.2 |
| ST8 | -60.01 | 69.7% | 7,932 | 3.1 | 1.9 |
| VPB | -56.34 | 11.8% | 1,796 | 11.0 | 1.3 |
| MSN | -40.43 | 5.9% | 1,537 | 48.2 | 2.8 |

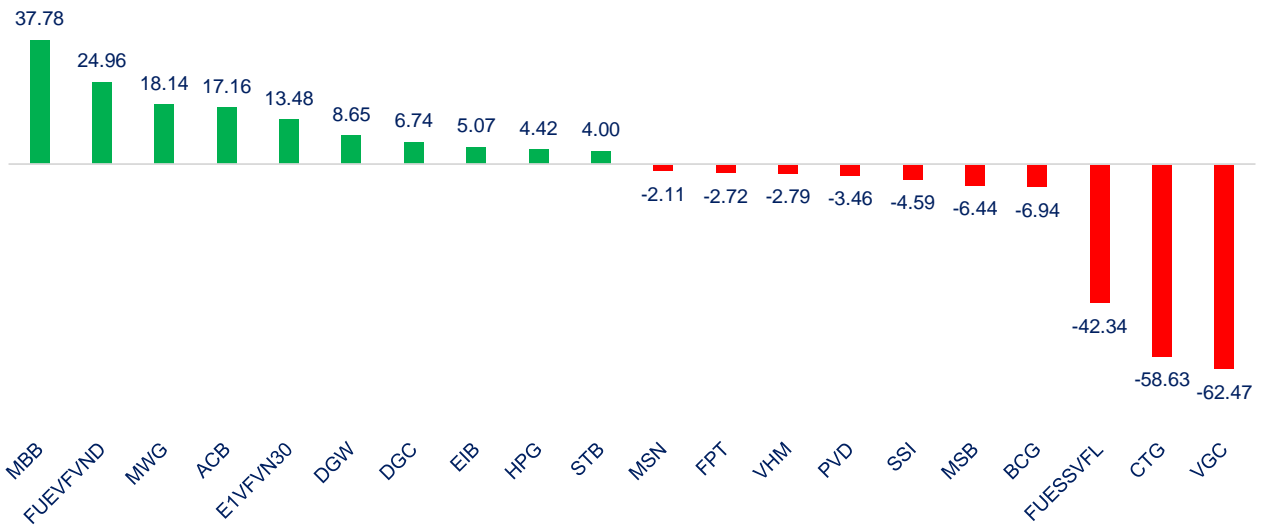


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn